

Tập 2

Xin mở quyển kinh, trang thứ mười, dòng thứ ba đếm từ dưới lên:

“*Dụ hình đoan tắc ảnh trực, nguyên trực tắc lưu hôn*” (Vị như hình thể ngay ngắn thì hình ảnh ngay thẳng; nguồn đã như bản thì dòng chảy đục ngầu). “*Hình đoan*” (形端): “*Đoan*” là đoan chánh, tỷ dụ tịnh nhân, thiện hạnh; “*ảnh trực*” (影直) là tỷ dụ quả báo. Nhân quả trong Tây Phương thù thắng là do chỗ này. Nhìn lại thế giới Sa Bà, “*nguyên trực*” (源濁), “*nguyên*” là nói tới “*tâm nguyên*” (心源: nguồn tâm). Tâm chúng ta nhiễm đắm, nói theo cách hiện thời là “ô nhiễm”. Kinh thường hình dung thế giới của chúng ta là “*ngũ trực ác thế*” (đời ác năm trực). “*Trực*” (濁) là ô nhiễm, [“*ngũ trực*”] là năm thứ ô nhiễm nghiêm trọng. Tâm không thanh tịnh, nên hành vi sẽ bất thiện, hành vi tạo nghiệp Thập Ác, hạnh bèn bất thiện. Do đó, sẽ là “*lưu hôn*” (dòng chảy đục ngầu). “*Lưu*” (流) là giống như nước chảy, tự nhiên sẽ chẳng sạch sẽ. Nước ấy “*hôn*” (昏: đục ngầu), [chữ “*lưu hôn*”] chỉ thế giới này của chúng ta. Đó là dùng tỷ dụ để nói về nhân và quả báo trong hai thế giới.

Trong đoạn văn tiếp theo, “*tự tịnh thị tu*” (dạy cách tu hành để đạt được tịnh), [hãy xem] dòng thứ tư nơi trang mười một: “*Cố tri dục sanh Cực Lạc quốc độ, tất tu thập lục diệu quán, nguyện kiến Di Đà Thế Tôn, yếu hành tam chủng Tịnh nghiệp* (Vì thế, biết là muốn sanh về Cực Lạc, ắt phải tu mười sáu phép Quán nhiệm màu, nguyện thấy Di Đà Thế Tôn, phải hành ba thứ Tịnh nghiệp). Ở đây, đại sư đã vì chúng ta thiết tha khai thị: Muốn sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng thể không biết mười sáu môn diệu quán. Tu thành công bất cứ một phép Quán nào trong mười sáu môn diệu quán, đều có thể vãng sanh Tây Phương thế giới. Từ phép Quán thứ nhất là Nhật Quán đến phép Quán cuối cùng là Trì Danh, thành tựu bất cứ phép Quán nào cũng đều được. Tu hai ba phép Quán trong ấy cũng được; tu trọn mười sáu phép Quán cũng được. Bất luận là bao nhiêu, chỉ cần quý vị có thể tu thành công; như thế nào thì mới được gọi là “thành”? Đoạn kinh văn tiếp đó đã giảng rõ: Mười sáu phép Quán ấy đều là diệu quán, vì sao? Bất cứ phép Quán nào cũng đều là tu trọn vẹn Không - Giả - Trung Tam Quán, Nhất Tâm Tam Quán. Mười sáu phép Quán ấy đều là Nhất Tâm Tam Quán, kể cả niệm Phật. Đó là chánh tu, là thiện nhất trong các điều thiện. “*Nguyện*

kiến Di Đà Thế Tôn, yếu hành tam chủng Tịnh nghiệp” (Nguyện thấy Di Đà Thế Tôn, phải hành ba thứ Tịnh nghiệp). Ba thứ Tịnh nghiệp vô cùng quan trọng; khi giảng Di Đà Kinh Sớ Sao, tôi đã nói cặn kẽ cùng quý vị. Ở đây, vẫn phải giảng chi tiết cùng mọi người, vì có những đồng tu chưa nghe Di Đà Kinh Sớ Sao, điều này có quan hệ quá lớn đối với sự tu Tịnh nghiệp của chúng ta. Trong phần sau, chúng ta sẽ xem đến ba thứ Tịnh nghiệp, sẽ đọc thấy [những điều ấy] khi xem đến phần kinh văn [trương ứng]. Chúng ta lại xem phần kế tiếp của lời tựa nơi trang mười hai, dòng thứ hai.

“Nhiên hóa nhân sự tiêm, giáo tạ duyên hưng, thị dĩ Xà Vương sát nghịch, Vi Đề ai thỉnh” (Nhưng nhân duyên giáo hóa phải do Sự mà dần dần hình thành, giáo cấy vào duyên để hưng khởi. Kinh này là do vua A Xà Thế phạm tội nghịch giết cha, bà Vi Đề Hy buồn bã thỉnh cầu). Đoạn này nói đến nguyên do của pháp hội. Vì sao có pháp hội như thế này? Vì hành vi phản nghịch của vua A Xà Thế (Ajātasatru), khiến cho mẹ ông ta vô cùng đau thương. Phu nhân Vi Đề Hy (Vaidehi) là mẹ của A Xà Thế, bèn khai thỉnh đức Thế Tôn, hy vọng vãng sanh một cõi Tịnh Độ an lạc. Pháp hội do đó mà có, đó cũng là duyên do giáo học của bộ kinh này được hưng khởi như thế đó. *“Đại thánh thù Từ, thừa cơ diễn pháp”* (Đức đại thánh rủ lòng Từ, thừa dịp diễn nói pháp), chúng ta hãy xem câu văn được in theo lối đánh cách trong lời Tựa. *“Đại thánh”* là Thích Ca Mâu Ni Phật. Trong hết thảy thánh hiền, Phật đã chứng đắc quả vị rốt ráo viên mãn, chẳng có ai cao hơn Ngài, nên chúng ta tôn xưng Ngài là Đại Thánh. *“Thừa cơ diễn pháp”* là dựa vào cơ duyên này để diễn giảng pháp môn này. *“Diệu ngọc tướng dĩ lưu thái, tủng kim đài nhi hiển thụ, tuy quảng thị trân vực, nhi tông quy An Dưỡng”* (Tướng ngọc chói ngời tuôn hào quang nhiều màu, đài vàng cao chói vót hiện diễm lành, tuy chỉ bày rộng rãi cõi quý báu, nhưng đề cao, quy kết An Dưỡng). Mấy câu này nhằm nhắc đến câu chuyện đức Thế Tôn phóng quang, hiện tướng lành, phu nhân Vi Đề Hy chọn lựa Tây Phương Cực Lạc thế giới. Trong phần trước, tôi đã nhắc sơ qua: Thích Ca Mâu Ni Phật triển hiện hết thảy các cõi Phật trước mặt phu nhân để bà ta tự tuyển chọn. Sau khi xem xong, bà ta chọn lấy Tây Phương Cực Lạc thế giới. Câu cuối cùng trong lời Sao, tức là từ hàng thứ ba trong trang mười ba, bà ta nói: *“Ngã kim nhạo sanh Cực Lạc thế giới, A Di Đà Phật sở”* (Nay con thích sanh về thế giới Cực Lạc là chỗ của A Di Đà Phật), phu nhân tự mình chọn lựa.

Lại xem lời tựa: *“Sử mạt tục hữu duyên, tuân tư diệu quán”* (Khiến cho kẻ tục hữu duyên trong đời Mạt Pháp, sẽ tuân hành pháp

Quán mâu nhiệm này). Nói thật ra, phu nhân Vi Đề Hy và vua A Xà Thế đều là Bồ Tát hóa thân, giống như hát tuồng, diễn trò cho chúng ta xem, há có phải là ác nghịch thật sự? Không gì chẳng nhằm dùng phương pháp này để khuyên chúng ta chọn lựa pháp môn vô thượng, viên đôn, thù thắng bậc nhất, khiến cho hết thảy chúng sanh tội ác sẽ được thành tựu trong một đời. Đúng là bi tâm triệt để của chư Phật, Bồ Tát, nhất là trong thời kỳ Mạt Pháp. “*Mạt tục*” (末俗) là chúng sanh thế tục hữu duyên trong thời Mạt Pháp, những ai hữu duyên? Giống như các đồng tu đang hiện diện đều có duyên. Duyên có sâu hay cạn khác nhau! Duyên sâu, vừa tiếp xúc liền tin tưởng, liền nghiêm túc tu hành. Duyên cạn thì có thể tin, nhưng vẫn chẳng thể buông xuống được, tức là như trong phần trước đã nói, chẳng thể chuyên tu, mà là tạp tu. Đó là duyên cạn. Chuyên tu là duyên sâu, duyên sâu quyết định thành tựu trong một đời này. Duyên cạn bèn kết pháp duyên, trong đời này, rất khó thành tựu! Cổ đức bảo chúng ta: Tạp tu thì trong một vạn người chỉ có thể dăm ba người vãng sanh. Thiệt Đạo đại sư nói người chuyên tu thì trăm người tu, trăm người vãng sanh, ngàn người tu, ngàn người vãng sanh, chẳng sót một ai! Vạn người tu, vạn người đến! Nói thực tại, pháp môn này khó tin, đúng là khó tin!

Chúng ta thấy tổ sư đại đức từ xưa, thường là đến tuổi già mới tin tưởng. Tổ sư của Tịnh Tông cũng chẳng phải là ngoại lệ. Các vị Liên Trì và Ngẫu Ích đều là lúc tuổi già. Liên Trì đại sư đến tuổi xế chiều, chúng ta biết Ngài thật sự triệt để giác ngộ, nên mới nói: “*Tam Tạng thập nhị bộ, nhượng cấp biệt nhân ngộ, bát vạn tứ thiên hạnh, nhiều dữ tha nhân hành*” (Tam Tạng, mười hai bộ, nhường cho người khác ngộ. Tám vạn bốn ngàn hạnh, để cho kẻ khác hành). Lúc tuổi già, sau khi triệt để giác ngộ, bèn một bộ kinh Di Đà, một câu Phật hiệu A Di Đà Phật, những thứ khác thầy đều bỏ sạch. Chư vị phải biết: Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, quý vị đọc Tịnh Độ Ngũ Kinh, hãy tra duyệt, điều kiện [vãng sanh] là Tín, Nguyện, Hạnh. Tín là thật sự tin tưởng, tuyệt đối chẳng hoài nghi. Nguyện là có nguyện vọng khẩn thiết, ta muốn sanh sang Tây Phương Cực Lạc thế giới, muốn thấy A Di Đà Phật. Hạnh là một câu Phật hiệu trong mười hai thời chẳng gián đoạn, không xen tạp, đó là Hạnh. Chúng ta xem lời khai thị của Ngẫu Ích đại sư về niêm Phật: Một người niêm Phật vừa muốn hành trì giới, vừa muốn đáp y, đi trì bát (khất thực), vừa muốn tụng kinh, vừa muốn làm pháp hội, vừa muốn bái sám, đó là tạp tu! Quả báo là một chút si phước trong thế gian mà thôi, chẳng thể thành tựu, đã hoàn toàn phá hoại chuyên tu!

Chúng ta nghĩ tới Liên Trì đại sư vào lúc tuổi già: Một câu A Di Đà Phật bốn chữ. Quý vị đọc Trúc Song Tùy Bút sẽ thấy: Người khác thỉnh giáo lão nhân gia: “Lão nhân gia dạy người khác tu hành theo cách nào?” Ngài đáp: “Tôi dạy người khác niệm sáu chữ Nam-mô A Di Đà Phật”. Người ta hỏi: “Chính lão nhân gia tu hành thì sao?” Ngài bảo: “Bản thân tôi tu hành niệm bốn chữ A Di Đà Phật”. Người khác bèn hỏi Ngài: “Do duyên có nào?” Ngài đáp: “*Tôi nhất tâm nhất ý trong một đời này, quyết định phải thấy A Di Đà Phật. Kinh dạy ‘chấp trì danh hiệu’ mà danh hiệu chỉ có bốn chữ, Nam-mô chẳng phải là danh hiệu*”. Vì thế, thật sự mong vãng sanh, hết thấy những thứ khách sáo đều chẳng cần, đều chẳng cần thiết. Ngài nói: “*Tôi khuyên người khác, người khác chưa chắc đã bằng lòng vãng sanh, nên thêm chữ Nam-mô rất thích hợp. Nam-mô nghĩa là cung kính, quy y*”. Tức là quy y, cung kính A Di Đà Phật, nhưng chưa chắc muốn vãng sanh. Thật sự mong vãng sanh thì hết thấy những thứ cố kỵ đều chẳng có.

Cổ đức giảng về pháp môn này rất rõ ràng: Là cảnh giới Hoa Nghiêm. Hoa Nghiêm là cảnh giới gì? Hoa Nghiêm là cảnh giới Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại, chẳng có chướng ngại. Nói cách khác, chẳng có hết thấy kỳ húy. Tượng A Di Đà Phật có thể thờ trong phòng ngủ. Quý vị nói người trì giới [thờ như vậy] đâu có được, thiếu cung kính! Được rồi, sự cung kính ấy khiến cho công phu của quý vị gián đoạn, xen tạp, chẳng thể vãng sanh! Hiện thời, nếu muốn đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng bàn tới những chuyện ấy, điều khẩn yếu là gì? Ở bất cứ chỗ nào, ta đều có thể trông thấy tượng của A Di Đà Phật, ta luôn có thể khởi lên “A Di Đà Phật”. Đó là đúng, chẳng sai tí nào! Đối với kẻ chẳng muốn vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới thì phải cung kính, phòng ngủ của quý vị là căn phòng thông thường¹, chớ nên thờ tượng Phật. Người thật sự muốn vãng sanh, nghi ngại gì cũng đều chẳng có, chư vị phải biết chuyện này. Vì sao? Mục đích là khiến cho trong mười hai thời, thời thời khắc khắc nhắc nhở chính mình, quyết định chớ nên quên mất lần nào. Chúng ta nghe âm thanh niệm Phật nhắc nhở chính mình, nhìn tượng Phật để nhắc nhở chính mình, chuyện này trọng yếu hơn bất cứ điều gì khác! Nghi ngại gì cũng đều chẳng cần kiêng kỵ! Pháp môn này là Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại. Do đó, pháp môn này thù thắng, viên đốn đến tột bậc, vô ngại tột bậc. Cổ nhân bảo: “*Chuyên trung chi*

¹ Ý nói chỉ là phòng đơn, chẳng phải là loại phòng ngăn ra làm hai gian, gian ngoài để tiếp khách đến chơi.

chuyên, đốn trung chi đốn, viên trung chi viên” (Chuyên nhất trong các pháp chuyên, đốn nhất trong các pháp đốn, viên nhất trong các pháp viên). Nếu còn có những chướng ngại ấy, làm sao có thể gọi là Viên cho được? Nếu [còn có chướng ngại như vậy] sẽ chẳng viên. Cái này chẳng thể, cái kia chẳng thể, tức là có chướng ngại, chẳng phải là vô chướng ngại. Chư vị đồng tu nhất định phải ghi nhớ điều này.

Chúng ta chỉ có một niềm hy vọng; nói thật thà, hy vọng duy nhất của A Di Đà Phật và Thích Ca Mâu Ni Phật là mong sao chúng ta thành Phật trong một đời này, hy vọng chúng ta suốt một đời này một câu A Di Đà Phật chẳng gián đoạn. Trong tâm chỉ có một câu Phật hiệu, tuyệt đối chẳng có vọng niệm thứ hai. Hễ có một vọng niệm là trật rồi, vọng niệm ấy liền biến thành xen tạp, gián đoạn. [Chư Phật, Bồ Tát, chư vị tổ sư đại đức] dạy chúng ta công phu chẳng xen tạp, không gián đoạn như thế nào thì nhất định phải tuân thủ. Đó gọi là duyên sâu, duyên chín muồi, quyết định vãng sanh trong một đời này. Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, quyết định thành Phật trong một đời này, quý vị nghĩ xem: Duyên ấy hy hữu lắm! Vì lẽ đó, cư sĩ Bành Tế Thanh đã viết trong Vô Lượng Thọ Kinh Khởi Tín Luận như sau: “*Đây là một ngày hy hữu khó gặp từ vô lượng kiếp đến nay*”, đúng vậy, chẳng giả!

Lại xem hai câu kế tiếp: “*Lạc nhật huyền cổ, dụng tiêu tống tướng chi phương*” ([quán tưởng] Mặt trời lặn giống như cái trống treo nhằm nêu rõ nơi chốn sẽ đặt tâm tưởng vào đó). Đây là nói đến mười sáu phép Quán trong kinh này. Phép Quán thứ nhất trong mười sáu phép Quán là Nhật Quán, [tức là] quán mặt trời lặn, cũng nhằm dạy chúng ta nghĩ tới Tây Phương. Trong phép Quán mặt trời lặn, có hai ý nghĩa:

- Thứ nhất là khiến cho tâm chẳng rong ruổi, tâm chẳng tán loạn.
- Thứ hai là niệm niệm nghĩ tưởng Tây Phương.

Đó là thật sự giác ngộ, triệt để giác ngộ, vì sao? Chúng ta đời đời kiếp kiếp đều phải luân hồi trong lục đạo, quá khổ! Trong đời quá khứ, chúng ta có tu Tịnh Độ hay không? Đã tu! Không chỉ đã tu, mà còn là đời đời kiếp kiếp đều tu tập! Vì sao đời đời kiếp kiếp tu tập mà vẫn chẳng thể vãng sanh, đều chẳng vãng sanh thành công? Do chúng ta tu hành chẳng đúng pháp, công phu không đắc lực, lầm lạc! Thế nào là không đúng pháp? Tạp tu! Chẳng phải là chuyên tu. Trong đời này, nếu phạm phải bệnh cũ; nói cách khác, đời này vẫn chẳng thể thành tựu, vẫn phải đợi đến đời sau. Thật sự giác ngộ trong một đời này, từ nay về sau, chúng ta chuyên tu, quyết định chẳng tạp tu.

Chuyên tu thì phải hỏi: Ta phải tu bao lâu thì mới có thể thành tựu? Chuyện này phụ thuộc công phu của bản thân quý vị là siêng năng hay lười nhác. Nếu quý vị tinh tấn, thời gian ắt chẳng rất dài. Nếu quý vị giải đãi, phải mất mấy năm công phu. Vẫn phải là tùy thuộc thiện căn của chính mình dày hay mỏng, thiện căn là gì? Chân tín, chân nguyện là thiện căn. Phước đức là gì? Chuyên niệm là có phước, là phước đức, câu danh hiệu này được gọi là “*vạn đức hồng danh*”. Chuyên niệm bèn có phước; tạp niệm, phước mỏng hơn một chút. Chuyên niệm, phước dày nhất. Ngẫu Ích đại sư khuyên chúng ta chuyên trì Phật hiệu, buông xuống hết thấy, vì sao? Trong một câu Phật hiệu, không chỉ bao quát hết thấy các pháp môn và hết thấy các phương pháp do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong một đời, mà ngay cả vô lượng vô biên pháp môn do hết thấy chư Phật, chư Bồ Tát trong mười phương vô lượng vô biên thế giới đã nói, cũng chẳng vượt ra ngoài một câu Phật hiệu này. Câu Phật hiệu này là pháp môn đại tổng trì, quý vị chẳng niệm câu này thì niệm gì đây? Niệm những thứ khác, tu những thứ khác chỉ là một bộ phận, niệm câu A Di Đà Phật là toàn thể. Phải biết điều này, công đức chẳng thể sánh tày!

Câu kế tiếp là: “*Đại thủy kết băng, thật biểu lưu ly chi địa*” (Đại thủy đóng băng, quả thật biểu thị đất lưu ly). Đây là phép Quán thứ hai, tức Thủy Quán. Đối với loại quán tưởng này, kinh Hoa Nghiêm đã nêu ra lý luận. Trong kinh Hoa Nghiêm có nói: “*Ứng quán pháp giới tánh, nhất thiết duy tâm tạo*” (Hãy nên quán tánh của pháp giới, hết thấy chỉ do tâm tạo). Kinh Lăng Nghiêm giảng: “*Nhược năng chuyển cảnh, tắc đồng Như Lai*” (Nếu có thể chuyển cảnh, ắt giống như Như Lai). Do vậy có thể biết, hết thấy “vật cảnh” (hoàn cảnh vật chất) đều do phân biệt, tưởng tượng biến hiện. Kinh Kim Cang đã dạy: “*Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng, huyễn, bào, ảnh*” (Hết thấy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng). Ý báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới sanh từ tâm tưởng. Tâm tịnh, biến hiện cảnh giới Tịnh Độ. Tâm uế, cảnh được biến hiện sẽ là uế độ. Nếu chúng ta hiểu rõ đạo lý này, không chỉ là cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, mà còn trong một đời này, khi thọ mạng vẫn chưa hết, sống trên thế gian này, đối với khổ, lạc, họa, phước trong thế gian, chính mình đều có thể làm chủ tể. Chỉ cần hiểu rõ đạo lý này, chính mình có thể làm chủ, xác thực là trong một đời này, chính mình có thể hưởng thụ viên mãn nhất, sung sướng nhất, cuộc đời hạnh phúc nhất. Thừa cùng quý vị, đó gọi là hoa báo, tương lai vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới là quả báo.

Đòi người hạnh phúc mỹ mãn, không nhất định là rất có tiền, không nhất định là rất có địa vị! Nói thật thà, có tiền, có địa vị, chưa chắc đã có hạnh phúc. Hạnh phúc thật sự là gì? Là trong tâm chẳng vướng mắc, chẳng có ưu lự, đó là hạnh phúc thật sự. Trong tâm chuyện gì cũng đều chẳng có, tâm thanh tịnh, thân thanh tịnh. Thân tâm thanh tịnh, thế giới bèn thanh tịnh. Thế giới là cảnh chuyển theo tâm, thế giới bèn thanh tịnh. Đó là hạnh phúc thật sự. Trong tâm có ưu lự, có vướng mắc, tâm sẽ không thanh tịnh, sẽ có phiền não, sẽ có nghiệp chướng. Trong tâm thanh tịnh, lấy đâu ra chướng ngại? Chẳng có chướng ngại. Vì thế, nếu chư vị muốn biết khi nào nghiệp chướng của chính mình tiêu trừ ư? Khi nào trong tâm quý vị chẳng có vọng niệm, chẳng có ưu lự, vướng mắc, nghiệp chướng liền tiêu trừ. Khi ấy, quý vị sẽ cảm ứng đạo giao cùng Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật, trao đổi tin tức với Ngài, gọi điện báo qua lại, chính mình nắm chắc vãng sanh, đã có tín tâm, đó là vui sướng! Trong thế gian này, giống như chư Phật, Bồ Tát thị hiện, du hý thân thông, du ngoạn khắp nơi, đến thế giới Sa Bà để vân cảnh, đến để du lịch. Đó mới là hạnh phúc thật sự, viên mãn thật sự.

Lại xem hai câu tiếp theo: *“Phong ngâm bảo diệp, cộng thiên nhạc nhi đồng phồn. Ba động kim cừ, tương khế kinh nhi hợp hưởng”* (Gió lùa cây báu vang tiếng ngân nga, hòa điệu cùng nhạc trời rộn rã. Sóng gợn khe ngòi vàng, hòa tiếng cùng khế kinh vang vọng). Hai câu này, câu trước là Bảo Thụ Quán, câu sau là Bảo Trì Quán, đến phần sau chúng ta sẽ đọc tới ao sen bảy báu. *“Quán nhục kế² nhi chiêm thị giả, niệm sắc tướng nhi đồ Như Lai”* (Quán nhục kế để chiêm ngưỡng hai vị thị giả, nghĩ nhớ sắc tướng để thấy Như Lai), câu trước là quán tướng Quán Âm và Thế Chí, câu sau là quán Vô Lượng Thọ Phật. Trong thế giới Tây Phương, sắc tướng của Phật và Bồ Tát giống nhau. Chỗ sai biệt giữa Phật và Bồ Tát là đỉnh đầu nơi thân tướng của các Ngài khác nhau. Đỉnh đầu Phật là tướng nhục kế, còn Bồ Tát đội mũ. Trên thực tế, nếu Bồ Tát bỏ mũ ra, sẽ hoàn toàn giống như Phật, hoàn toàn chẳng có sai

² Nhục kế (Uṣṇīṣa) là một trong ba mươi hai tướng hảo của Phật, còn gọi là Kế (髻), Đảnh Kế, Đảnh Thượng Nhục Kế v.v... hoặc gọi theo âm Phạn là Ô Sắt Ni Sa hoặc Úc Sắt Ni Sa. Đây là tướng xương đầu vուն cao lên, nhìn như búi tóc giữa đỉnh đầu. Kinh Vô Thượng Y giảng: *“Úc Sắt Ni Sa là xương đỉnh đầu cao trội lên, tự nhiên thành hình như búi tóc”*. Kinh Vô Thượng Y còn giảng Nhục Kế là do trong đời quá khứ Phật đã nhiều kiếp tự hành Thập Thiện, lại còn khuyên lơn, hướng dẫn người khác tu hành, thấy người khác tu hành bèn hoan hỷ, tán thán, cúng dường, dìu dắt họ luôn theo đúng chánh pháp.

biệt. Ngài đội mão thì mão còn có sai biệt. Chính giữa mão của Quán Âm Bồ Tát là tượng đứng của A Di Đà Phật, chính giữa mão của Đại Thế Chí Bồ Tát là một bình báu. Đây là điểm sai biệt để chúng ta phân biệt vị nào là Quán Âm, vị nào là Đại Thế Chí. Nếu chẳng có tướng ấy, sẽ chẳng có sai biệt, hoàn toàn giống nhau. Đến phần kinh văn, chúng ta sẽ đọc thấy [chuyện này].

“Cập kỳ minh mục cáo chung, thượng trên đài nhi cao dưng. Văn thành án hoại, tọa kim liên nhi hóa sanh” (Tới khi nhắm mắt qua đời, ngự đài báu bay vọt lên cao; nét khắc đã in thành, án liên tan nát, ngồi sen vàng để hóa sanh), đây là nói tới ba bậc chín phẩm vãng sanh. Trong phần giải thích, tôn giả Tú Minh đã giảng rất rõ ràng. Chư vị đồng tu cần phải biết: Phạm vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, đều là vãng sanh trong khi còn sống, chẳng phải là chết rồi mới vãng sanh, chư vị phải ghi nhớ điều này. Pháp môn này thật sự là pháp môn bất tử. Phạm vị [vãng sanh] cao, biết trước lúc mất, thấy Phật đến tiếp dẫn, từ biệt mọi người: “Nay tôi theo A Di Đà Phật ra đi”, người ấy mới vãng sanh, vãng sanh trong khi còn sống! Hạ phẩm vãng sanh, nghiệp chướng sâu nặng, đức Phật vẫn đến tiếp dẫn, chẳng phải là không đến tiếp dẫn. Do người ấy nghiệp chướng nặng nề, cũng thấy Phật đến tiếp dẫn, muốn kể với mọi người, môi mấp má, nhưng chẳng phát ra tiếng, chẳng có khí lực. Hạ hạ phẩm vãng sanh vẫn là vãng sanh trong khi còn sống, tuyệt đối chẳng phải là chết rồi mới vãng sanh, chẳng có đạo lý ấy!

Rất nhiều vị tổ sư đại đức nói: Con người sau khi đã chết, trong vòng tám tiếng sau khi người ấy đã tắt hơi, đừng nên động đến, hãy trợ niệm cho người ấy. Nói thật ra, trợ niệm tám tiếng đồng hồ, người ấy chẳng vãng sanh. Người ấy vãng sanh thì đã ra đi khi chưa tắt hơi, đi rồi mới tắt hơi, đó là vãng sanh thật sự. Nhưng đã tắt hơi, thì [trợ niệm] trong tám giờ là vì sợ gì? Sợ rằng người ấy chẳng vãng sanh. Chưa vãng sanh, nhưng khi ấy, thần thức của người đó chưa rời đi, chúng ta niệm Phật để nhắc nhở người ấy. Nếu lúc đó, người ấy bỗng nhớ tới Phật hiệu, tự cầu vãng sanh, thì vẫn có thể vãng sanh. Đây là thời khắc then chốt. Chuyện này được gọi là “*độ Trung Âm*”, độ Trung Âm là trong thời khắc then chốt ấy. Qua khỏi thời khắc ấy, hết sức khó khăn, chẳng dễ dàng! Tuy chẳng vãng sanh, nhưng trợ niệm cho người ấy trong lúc đó, nói thật ra là tăng phước, giảm thiểu sự đau khổ cho người ấy, giúp người ấy vãng sanh trong thiện đạo, chẳng đến nỗi đọa trong ác đạo, mục đích ở chỗ này. Vì thế, cầu nguyện vãng sanh tốt nhất là dựa vào chính mình, đừng ỷ vào người khác trợ niệm. Lỡ vạn nhất khi đó chẳng

có duyên phận ấy, chẳng có ai trợ niệm thì làm sao đây? Cho nên nhất định phải dựa vào chính mình.

Quý vị thấy trong Niệm Phật Luận, lão pháp sư Đàm Hư đã kể chuyện nữ cư sĩ họ Trương thuộc Niệm Phật Hội chùa Trạm Sơn tại Thanh Đảo. Người ta vãng sanh chẳng cần kẻ khác trợ niệm, biết trước lúc mất. Người ấy sống rất kham khổ, chồng kéo xe tại bến tàu, một nhà bốn người, ngày nào chẳng làm việc, ngày ấy chẳng có tiền tiêu. Chính bà ta cũng không biết chữ, tham dự Niệm Phật Hội để niệm Phật với người khác, làm việc lật vật trong nhà bếp, giúp người khác rửa chén đĩa. Bà ta nghiêm nhiên niệm Phật hiệu giới như vậy; lúc ra đi tỉnh táo, sáng suốt. Lúc bà ta mất là vào buổi sáng, chẳng cần ai trợ niệm, biết sẽ đi lúc nào. Do đó, đây là thật sự hiện thân thuyết pháp, nêu gương tốt nhất cho chúng ta. Người bị bệnh đau khổ, thật thà niệm Phật, niệm kinh Vô Lượng Thọ, chẳng thể nghĩ bàn. Lần đầu tiên tôi đến Bắc Kinh gặp lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, lão cư sĩ bảo tôi: Cụ có mười mấy học trò theo học với cụ. Học trò cụ cho biết họ ngã bệnh chẳng đi bác sĩ, không uống thuốc, cả nhà niệm kinh Vô Lượng Thọ, niệm A Di Đà Phật, một mực niệm đến lành bệnh. Các học trò cũng bảo tôi: “Chúng tôi thật sự làm như vậy”. Kinh này công đức chẳng thể nghĩ bàn! Do đó, nếu chúng ta mắc bệnh, có chướng ngại, có nghiệp chướng, quý vị niệm kinh này nhất định có thể tiêu trừ.

Tiếp theo đó, sách viết: “*Tùy tam bối nhi hoành tiệt, việt ngũ khổ nhi trường vụ*” (Nương theo ba bậc để cắt ngang [dòng sanh tử], vượt năm khổ để mãi xa lìa [chốn Sa Bà]). Hai câu này nói đến ba bậc vãng sanh, từ thượng thượng phẩm cho đến hạ hạ phẩm, trong một đời này vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi. “*Hoành tiệt*” (橫截) là hoành siêu, đây là chỗ thù thắng của pháp môn này. Tu những pháp môn khác chẳng có hoành siêu; chẳng có hoành siêu sẽ rất khó, vì sao? Người ấy phải tu Tứ Thiên, Bát Định. [Đắc] Tứ Thiên sanh trong Sắc Giới Thiên; thành tựu Bát Định, sanh trong Vô Sắc Giới Thiên, lại phải tu Đệ Cửu Định mới vượt thoát luân hồi, người bình phàm chẳng thể làm được! Trong kinh Tiểu Thừa, đức Phật dạy: Hàng Tiểu Thừa đoạn tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc, chứng đắc quả Tu Đà Hoàn, tính từ ngày hôm ấy, qua lại trong cõi trời và cõi người bảy lần mới có thể đoạn sạch tám mươi một phẩm Tư Hoặc, tu thành tựu Đệ Cửu Định vượt thoát luân hồi. Qua lại bảy lần trong cõi trời và cõi người phải mất thời gian bao lâu? Tuổi thọ trong nhân gian ngắn ngủi, thọ mạng cõi trời lâu dài, có thể thấy cách

này khó khăn lắm! Những pháp môn Đại Thừa khác cũng chẳng ra ngoài lệ ấy, cũng phải là đoạn Kiến Tư phiền não thì mới có thể thành tựu.

Chỉ riêng Tịnh Tông chẳng cần đoạn; tuy chẳng cần đoạn, nhưng phải khuất phục. Khuất phục, chứ chưa đoạn, cổ nhân sánh ví “khuất phục” giống như đá đè cỏ, chẳng trừ tận gốc. Đè như thế nào? Đè nén chẳng cho nó dấy lên hiện hành. Đá là gì? Cỏ ví như phiền não, vọng tưởng, chấp trước, sánh ví những điều ấy; đá là một câu Phật hiệu A Di Đà Phật. Dùng câu Phật hiệu ấy để đè nén vọng tưởng, chấp trước, phân biệt, chẳng cho chúng dấy lên hiện hành. Những thứ ấy quả thật chưa đoạn, chỉ cần chúng chẳng dấy lên hiện hành là được rồi, hữu dụng, có thể vãng sanh. Nhưng phải đè nén; nếu chẳng đè nén được, sẽ chẳng thể vãng sanh. Hễ đè nén được, bèn gọi là “công phu đặc lực”. Do đó, chúng ta niệm câu Phật hiệu này, chẳng dấy phiền não, chẳng có vọng niệm; đó là công phu đặc lực. Niệm câu Phật hiệu này mà vẫn dấy lên vọng niệm, vẫn sanh phiền não, công phu chẳng đặc lực! Phải đặc biệt chú ý điều này.

“*Khả vị vi hành diệu quán, chí đạo yếu thuật giả tai*” (Có thể nói: Cách hành trì vi diệu và các phép quán màu nhiệm chính là thuật trọng yếu nhằm đạt tới đạo tột bậc vậy). Đây là lời tổng kết cho đoạn này. “*Vi*” (微) là vi diệu, vi diệu tột bậc, tu hành là nói tới ba thứ Tịnh nghiệp. “*Diệu quán*” (妙觀) là mười sáu phép Quán. “*Đạo*” (道) là đạo thành Phật. “*Chí*” (至) là đạt tới chỗ tột cùng, đạo thành Phật không chi hơn được cách này! “*Thuật*” (術) là phương pháp. Phương pháp quan trọng nhất là ba thứ Tịnh nghiệp và mười sáu diệu quán. Trong phần trước, tôi đã thừa cùng quý vị, đối với mười sáu diệu quán, chỉ cần nắm được một phép Quán bèn thành tựu. Phật Thế Tôn cùng chư Phật, các vị tổ sư đại đức dạy chúng ta chọn pháp Quán thứ mười sáu, chọn lựa phương pháp Trì Danh Niệm Phật. Quý vị thấy trong Tịnh Độ Tam Kinh, phương pháp này được kinh Vô Lượng Thọ đề xướng, kinh A Di Đà cũng đề xướng, nên biết hết thầy chư Phật, Bồ Tát, chẳng có vị nào không đề xướng pháp môn này. Ngay như lão pháp sư Đệ Nhàn giảng giải Diệu Tông Sao bằng tác phẩm Giảng Nghĩa này, qua đoạn mở đầu trong lời tựa, [chúng ta thấy rõ] Ngài cũng đề xướng Trì Danh Niệm Phật. Có thể thấy Trì Danh thật sự chẳng thể nghĩ bàn! Chúng ta lại lật qua xem trang thứ mười sáu.

“*Thử kinh tâm quán vi Tông, Thật Tướng vi Thế*” (Kinh này lấy tâm quán làm Tông, lấy Thật Tướng làm Thế), nêu bày phần Minh Tông

Biện Thể của bộ kinh này. “*Kinh dĩ Quán Phật vi đề, Sớ dĩ tâm quán vi Tông*” (Kinh dùng chuyện quán Phật để làm tựa đề, Sớ dùng tâm quán làm Tông). Vừa khởi đầu, tôn giả Tứ Minh đã dặn dò rõ ràng, rành rẽ. [Bàn luận] tỉ mỉ, trọng yếu [nhận định này] thì khi nói đến phần kinh văn, tôi sẽ lại thưa trình cùng quý vị. Nay ở đây, chúng ta hiểu điều quan trọng nhất là ba thứ Tịnh nghiệp và mười sáu diệu quán. Ba thứ Tịnh nghiệp rất khó làm được, nhưng lại chẳng thể không làm, vì sao? Chẳng làm được, sẽ chẳng thể vãng sanh! Chẳng làm, sẽ chẳng thể vượt thoát luân hồi, nhất định phải làm được! Điều này khẩn yếu hơn bất cứ điều gì khác! Nguyên lý của nó là như kinh này đã dạy: “*Thị tâm thị Phật, thị tâm tác Phật*” (Tâm này là Phật, tâm này làm Phật). Tâm năng niệm là Thi Giác, đức Phật được niệm là Bản Giác. Vì thế, khởi tâm niệm Phật là Thi Giác hợp với Bản Giác. Thi Giác và Bản Giác bất nhị là Cúu Cánh Giác. Do đó, niệm Phật là nhân, thành Phật là quả. Niệm Bồ Tát thành Bồ Tát, niệm Thanh Văn thành Thanh Văn, niệm thiên liên sanh thiên, niệm người được thân người, niệm tham, sân, si, niệm ngũ dục, lục trần, sẽ là ba ác đạo, tùy thuộc quý vị niệm điều gì.

Trong phần chú giải, chúng ta xem dòng thứ năm trong trang mười sáu, xem câu cuối trong dòng thứ năm: “*Kim quán Di Đà y chánh vi duyên*” (Nay dùng quán y báo và chánh báo của Phật Di Đà làm duyên). Vì sao kinh thường nói Quán, chẳng nói Niệm? Vì sao chẳng nói Tưởng, mà phải nói Quán? Chữ này có quan hệ rất lớn! Nếu nói Niệm hoặc Tưởng, [người nghe] sẽ dễ sanh tình chấp, “*tình chấp*” (情執) là chấp trước theo phương diện cảm tình, chẳng thể liễu sanh tử, chẳng thể thoát tam giới. Quý vị nói “nay ta không mến chuộng thế giới này, ta yêu mến A Di Đà Phật”, như vậy thì chẳng thể vãng sanh, [vì vẫn là tình chấp]! Quán là lý tánh, chẳng phải là cảm tình, nó là lý trí, giống như trong Thiền Tông nói Quán Chiếu, Chiếu Trụ và Chiếu Kiến, sử dụng những công phu đó. Niệm Phật cũng là niệm niệm chẳng lìa công phu quán chiếu. Quán chiếu thuộc về lý tánh, chẳng thuộc về cảm tình. Do đó, dùng chữ Quán, chẳng dùng chữ Niệm, chẳng dùng chữ Tưởng!

“*Kim quán Di Đà y chánh vi duyên, huân hồ tâm tánh, tâm tánh sở cụ Cực Lạc y chánh, do huân phát sanh, tâm cụ nhi sanh, bất ly tâm tánh, toàn tâm thị Phật, toàn Phật thị tâm, chung nhật quán tâm, chung nhật quán Phật*” (Nay quán y báo và chánh báo của Phật để làm duyên, huân tập tâm tánh. Y báo và chánh báo cõi Cực Lạc sẵn có trong tâm tánh sẽ do huân tập mà phát sanh. Do tâm đã sẵn có, nên sanh khởi. Chẳng lìa tâm tánh, toàn thể tâm là Phật, toàn thể Phật là tâm. Suốt ngày

quán tâm là suốt ngày quán Phật). Phải biết mấy câu này là bí quyết niệm Phật! Có biết thì quý vị mới chịu niệm, niệm thành công. Thế giới Cực Lạc là thế giới gì? Là “duy tâm Tịnh Độ”. A Di Đà Phật là ai? Là “tự tánh Di Đà”. Có lẽ sẽ có người hỏi, duy tâm Tịnh Độ và Tịnh Độ của A Di Đà Phật là một hay là khác, là một hay là hai? Tự tánh Di Đà và A Di Đà Phật trong Tây Phương Cực Lạc thế giới có mối quan hệ gì? Thừa cùng quý vị, Tây Phương Cực Lạc thế giới do tự tánh biến hiện, A Di Đà Phật cũng do tự tánh biến hiện. Không riêng gì Cực Lạc và Phật Di Đà do tự tánh biến hiện, mà tất cả hết thảy đông đảo chúng sanh nơi cõi Sa Bà trong hiện tiền vẫn do tự tánh biến hiện. Đó là tự tánh biến hiện uế độ. Tây Phương Cực Lạc thế giới là tự tánh của quý vị biến hiện Tịnh Độ, vì sao? Vì tâm quý vị thanh tịnh liền biến thành Tịnh Độ. Tâm quý vị chẳng thanh tịnh, Tịnh Độ chẳng biến hiện. Duy tâm Tịnh Độ và Tây Phương Tịnh Độ là một, không hai, chẳng có biên giới; tự tánh Di Đà và ngài Pháp Tạng tu thành Phật Di Đà cũng là một, không hai. Đó là nguyên lý chân thật.

Các triết gia trong thế gian nói đến bản thể của vạn hữu trong vũ trụ, bản thể là tâm tánh. Thiền gia đòi hỏi tu hành phải tu từ căn bản, trọn chẳng biết sự tu hành của Tịnh Tông mới là căn bản của các căn bản, trôi vượt Thiền Tông quá nhiều. Do đó, suốt ngày niệm Phật là suốt ngày quán tâm, nhất định phải niệm đến mức “*toàn thể tâm là Phật, toàn thể Phật là tâm*”, công phu niệm Phật của quý vị mới thật sự đạt tới tột bậc, đạt tới đỉnh cao nhất. Đến khi ấy, chúng ta thấy hết thảy mọi người đều là Phật, thấy hết thảy vật cũng là Phật, thấy hết thảy sự vẫn là Phật, [chúng ta] bèn thành Phật. Mắt Phật thấy hết thảy đều là Phật, phàm phu thấy Phật, Bồ Tát cũng là phàm phu. Do vậy có thể biết, xác thực là cảnh chuyển theo tâm. “*Nếu có thể chuyển cảnh, ắt giống như Như Lai*”, chẳng sai tí nào!

Nay đã hết thời gian rồi, chúng tôi giảng tới chỗ này. Buổi chiều chúng tôi sẽ nói đến đề mục của kinh.